

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 11-7-2024  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Diệt.

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T; Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Đặng Trúc L; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Trúc L tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2013, hôn nhân của anh T và chị L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, anh chị tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào ngày 30 tháng 8 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, vợ chồng chung

sống với nhau vui vẻ và hạnh Phúc. Nhưng vài năm sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong đời sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục, vợ chồng vẫn cãi vã không hạnh phúc. Sau đó anh chị thống nhất sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Trúc L.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai trong thời gian chung sống, anh T và chị L có 01 (một) người con chung là Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009), hiện nay cháu H đang sống cùng với anh T tại ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009) cho đến khi cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài H vì hiện nay anh T có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Đối với bị đơn chị Đặng Trúc L:* Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T tại Thông báo thụ lý vụ án số: 112/TB-TLVA, ngày 05 tháng 4 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Đặng Trúc L, cũng như đã triệu tập hợp lệ chị Đặng Trúc L đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng chị Đặng Trúc L đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị Đặng Trúc L nhưng chị Đặng Trúc L không gửi văn bản ghi ý kiến của chị Đặng Trúc L đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của anh Nguyễn Văn T.

*Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Hoài H, lập ngày 27 tháng 5 năm 2024 cháu H trình bày:* Hiện nay cháu H đang học lớp 8 tại trường Trung học cơ sở Búng Tàu, tỉnh Hậu Giang, từ khi cha mẹ cháu không còn chung sống với nhau thì cháu sống với cha, hiện nay cháu sống với cha rất tốt nên có nguyện vọng tiếp được sống với cha.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được

đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Đặng Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Đặng Trúc L có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Trúc L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó việc anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Trúc L tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2013 là hoàn toàn đúng theo đúng quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo anh Nguyễn Văn T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh T và chị L đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, khi xảy ra mâu thuẫn anh T và chị L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh T và chị L không còn chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị đều có công việc riêng và có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị Đặng Trúc L.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn*

*trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Đối chiếu với quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L thì hiện nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng thực trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009) cho đến khi cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Nhận thấy, từ khi anh T và chị L sống ly thân cho đến nay thì cháu H đều do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu H thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là anh Nguyễn Văn T.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu Nguyễn Hoài H nên việc giao cháu Nguyễn Hoài H cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009) cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Đặng Trúc L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Đáng lẽ ra, chị Đặng Trúc L là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng hiện nay anh có công việc làm ổn định, thu nhập hằng tháng của anh T đảm bảo nên anh T có khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng cháu H nên anh T tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009). Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đặng Trúc L.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Nguyễn Hoài H(Nam, sinh ngày 26/6/2009) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hoài H(Nam, sinh ngày 26/6/2009) đủ 18 (mười tám) tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T tự khai có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài H(Nam, sinh ngày 26/6/2009) và tự nguyện không yêu cầu chị Đặng Trúc L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài H(Nam, sinh ngày 26/6/2009) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Sau khi ly hôn, chị Đặng Trúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Hoài H (Nam, sinh ngày 26/6/2009), anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Đặng Trúc L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003480 ngày 05 tháng 4 năm 2024, anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- UBND thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hồng**













